

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-PT
Ngày: 19 - 4 - 2019
“V/v: Tranh chấp bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm
phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh
Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Ly - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ: ấp 7, xã Vị Đông, huyện V, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị E

Bà Nguyễn Thị Thu X

Địa chỉ: ấp 7, xã Vị Đông, huyện V, tỉnh Hậu Giang

3. Người làm chứng: Ông Trần Vũ C

Địa chỉ: ấp 7A1, xã Vị Thanh, huyện V, tỉnh Hậu Giang

4. Do có kháng cáo của: Bà Nguyễn Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà có 14.383m² đất tọa lạc tại ấp 7, xã Vị Đông, huyện V, tỉnh Hậu Giang; vào hè thu (tháng 02 âm) năm 2018 bà ngâm giống chuẩn bị sạ lúa, đồng thời vào ngày 09/02/2018 âm bà có kêu ông Trần Vũ C lại xới đất, thì bà E và bà X ngăn cản nên bà không thể gieo sạ lúa dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho gia đình bà. Nay bà yêu cầu bà E và bà X bồi thường các khoản chi phí sau:

1. Tiền lúa giống: 1.925.000 đồng.
2. Tiền thuốc ngâm giống 500.000 đồng
3. Tiền mất thu nhập vụ hè thu năm 2018: 30.000.000 đồng

Tổng cộng: 32.425.000 đồng

Bị đơn bà Nguyễn Thị E trình bày: Bà xác định vụ hè thu năm 2018 bà L có đem lúa giống để trên bờ ranh, sau đó con trai và con rể bà L xảy ra xô xát với con bà nên bà L không sạ, chứ bà không ngăn cản. Bà L cho rằng, bà với con bà Nguyễn Thị Thu X ngăn cản không cho máy vào xới đất bà L là không đúng. Bà không gây thiệt hại nên không đồng ý bồi thường bất cứ khoản tiền nào cho bà L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X trình bày: Thống nhất với ý kiến bà E. Bà không ngăn cản cũng không gây thiệt hại, nên không đồng ý bồi thường bất cứ khoản tiền nào cho bà L.

Người làm chứng ông Trần Vũ C trình bày: Vụ hè thu năm 2018, bà L có thuê ông đến xới khoảng hơn 10 C đất. Tuy nhiên, đối với 02 C đất ruộng ngay phía sau nhà bà E và bà X thì không xới được do bà E, bà X ngăn cản không cho máy vào xới đất bà L. Bà E, bà X cầm cây đe dọa nếu ông cho máy vào xới đất cho bà L thì bà E, bà X sẽ đập bỏ máy, nên ông bỏ về. Sự việc sau đó như thế nào thì ông không rõ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị Thu X bồi thường thiệt hại với số tiền 32.425.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, bà Nguyễn Thị L kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, C nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị Thu X bồi thường 32.425.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L chỉ yêu cầu bà X và bà E bồi thường tổng cộng 12.080.000 đồng, trong đó tiền lúa giống vẫn giữ nguyên là $350 \text{ kg} \times 5.500 \text{ đồng/kg} = 1.925.000 \text{ đồng}$, tiền mất thu nhập là 10.000.000 đồng, còn lại 155.000 đồng là tiền thuốc ngâm giống.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại tiền lúa giống, tiền thuốc ngâm giống, tiền mất thu nhập nên xác định quan hệ tranh chấp là bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2.1] Xét về yếu tố lỗi

Hội đồng xét xử xét thấy; nguyên đơn khởi kiện cho rằng các bị đơn có hành vi ngăn cản không cho máy xới vào xới ruộng dẫn đến nguyên đơn không sạ được lúa. Bị đơn thừa nhận có ngăn cản nhưng chỉ ngăn cản không cho xới hai C đất đang tranh chấp với nguyên đơn. Qua thừa nhận của đương sự cho thấy hành vi không cho xới đất của bị đơn là có thật. Tuy nhiên, chỉ chứng minh được qua việc thừa nhận của bị đơn là có ngăn cản hai C nhưng khi ngăn cản bị đơn không thể hiện được giới hạn hai C dẫn đến nguyên đơn cho rằng bị đơn ngăn cản toàn bộ phần đất (do đất liền kề và trước đây có tranh chấp), nên dẫn đến không xác định bị đơn ngăn cản bao nhiêu; Do đó, nguyên đơn đã không sạ lúa và thiệt hại xảy ra là có thật.

Từ cơ sở nêu trên cho thấy, thiệt hại của nguyên đơn có mối quan hệ nhân quả với hành vi ngăn cản của bị đơn nên được xác định là lỗi hỗn hợp, nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại do lỗi mình gây ra.

[2.2] Xét về thiệt hại

Trong vụ án này, lẽ ra cấp sơ thẩm phải tiến hành định giá để xem xét thiệt hại làm cơ sở giải quyết và căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở xác định án phí là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn thừa nhận, giá thuê đất để làm ruộng mỗi C đất ở địa phương

mỗi vụ 1.000.000 đồng, tương ứng 10 C đất là 10.000.000 đồng; mỗi C sạ 20 kg lúa, tương ứng 10 C là 200kg lúa, mỗi kg là 5.000 đồng, tương ứng 10 C là 1.000.000 đồng; tiền thuốc ngâm giống, mỗi C đất ngâm 02 chai thuốc, mỗi chai 2.000 đồng, tương ứng 40.000 đồng/10 C đất. Như vậy, tổng cộng thiệt hại là 11.400.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện tổng số tiền bồi thường tại tòa là 12.080.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì sự thừa nhận của bị đơn làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do xác định lỗi hỗn hợp nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại được xác định như sau $11.400.000 \text{ đồng} : 2 = 5.520.000 \text{ đồng}$.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng; nguyên đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền khởi kiện không được chấp nhận là 26.905.000 đồng, cụ thể nguyên đơn phải chịu $26.905.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.345.250 \text{ đồng}$.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị Thu X liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L là 5.520.000 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 1.345.250 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018220 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang. Bà L còn phải nộp thêm 495.250 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị Thu X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018335 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/4/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. V;
- Chi cục THADS H. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải